

ĐỀ CƯƠNG ÔN THI CUỐI HỌC KÌ 2**I. Bài tập trắc nghiệm:**

Hãy khoanh tròn vào một chữ cái đứng trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Giá tiền 1 quả chanh là 600 đồng. Nam có 1000 đồng, Nam mua hành hết 500 đồng. Hỏi với số tiền còn lại, Nam có đủ tiền mua 1 quả chanh không?

- A. Có. B. Không.

Câu 2. Điền dấu (<, >, =) vào chỗ chấm thích hợp: $293 + 120 \dots 414$

- A. < B. > C. =

Câu 3. Tính: $244 + 281 = \dots$

- A. 525 B. 255 C. 552 D. 550

Câu 4. Tính: $789 - 123 + 324 = \dots$

- A. 980 B. 990 C. 890 D. 910

Câu 5. Đồ vật dưới đây có dạng khối gì?

- A. Khối trụ C. Khối hộp chữ nhật
B. Khối cầu D. Khối lập phương



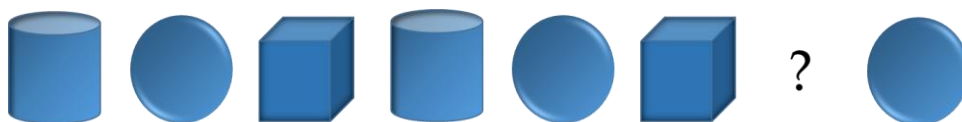
Câu 6. Một ô tô đi từ Hà Nội lúc 10 giờ sáng và đến Thanh Hóa lúc 3 giờ chiều. Hỏi ô tô đó đi từ Hà Nội đến Thanh Hóa hết bao nhiêu giờ?

- A. 4 giờ B. 5 giờ C. 6 giờ D. 7 giờ

Câu 7. Trong giỏ có 3 quả táo và 2 quả lê. Ba bạn Bình, Minh, Hoa mỗi người lấy ra 1 quả từ giỏ. Khả năng nào xảy ra trong mỗi trường hợp sau:

- A. Trong giỏ không thể còn lại 3 quả. C. Trong giỏ chắc chắn còn lại 2 quả.
B. Trong giỏ có thể còn lại 2 quả lê. D. Cả ba đáp án trên đều đúng.

Câu 8. Khối hình thích hợp đặt vào dấu là hình nào?



- A. Khối trụ B. Khối cầu C. Khối lập phương

Câu 9. Giá trị của X thỏa mãn $X - 102 = 234$ là:

- A. 336 B. 405 C. 318 D. 324

Câu 10. Số lẻ bé nhất có ba chữ số khác nhau là:

- A. 100 B. 101 C. 102 D. 103

Câu 11. Quan sát hình dưới đây để trả lời câu hỏi:

Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

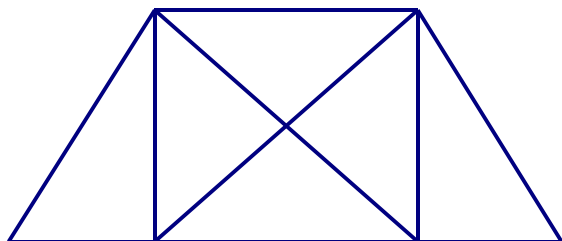
- A. 30 C. 20
B. 50 D. 10

$$220 + \square = 250$$

$$220 - \triangle = 200$$

$$\square + \triangle = \dots\dots$$

Câu 12. Hình bên có bao nhiêu hình tứ giác?



- A. 5 B. 6
C. 7 D. 8

Câu 13. Một cửa hàng buổi sáng bán 154 kg gạo, buổi chiều bán 144 kg gạo. Hỏi cả hai buổi cửa hàng đó bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

- A. 298 kg B. 398 kg C. 198 kg D. 288 kg

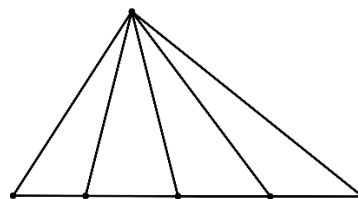
Câu 14. Độ dài đường gấp khúc ABCD có độ dài $AB = 123$ cm, $BC = 1$ m, $CD = 34$ dm là:

- A. 158 cm B. 257 cm C. 563 cm D. 167 cm

Câu 15. Quan sát các hình vẽ bên cho biết:

Có bao nhiêu hình tam giác?

- A. 10 hình B. 9 hình
C. 8 hình D. 7 hình



II. Tự luận

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

- | | | | |
|----------------|-------------|-------------|------------|
| a) $345 + 423$ | $506 + 483$ | $254 + 645$ | $632 + 36$ |
| b) $678 - 435$ | $489 - 207$ | $895 - 645$ | $769 - 57$ |

Bài 2. Đặt tính rồi tính:

- a) $295 + 133$ $576 + 189$ $154 + 646$ $232 + 39$
 b) $608 - 235$ $719 - 271$ $195 - 69$ $1000 - 345$

Bài 3. Tính nhẩm:

- a) $300 + 500 = \dots\dots$ $400 + 600 = \dots\dots$ $300 + 200 + 500 = \dots\dots$
 b) $800 - 200 = \dots\dots$ $1000 - 400 = \dots\dots$ $1000 - 500 + 200 = \dots\dots$

Bài 4. Viết chữ số thích hợp vào ô trống:

- a)
$$\begin{array}{r} 32\Box \\ + 5\Box6 \\ \hline \Box78 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 6\Box3 \\ + \Box25 \\ \hline 87\Box \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \Box52 \\ + 34\Box \\ \hline 9\Box1 \end{array}$$
- b)
$$\begin{array}{r} 87\Box \\ - \Box57 \\ \hline 5\Box0 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 4\Box9 \\ - 5\Box \\ \hline \Box76 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \Box52 \\ - 34\Box \\ \hline 1\Box3 \end{array}$$

Bài 5. Điền số thích hợp vào ô trống:

- a)

140		186	
56	84		
26	30	54	48
- b)

588	330	254	218
258		76	
182			

Bài 6. Thực hiện phép tính:

- $426 + 130 = \dots\dots\dots$ $504 + 83 = \dots\dots\dots$ $406 - 102 = \dots\dots\dots$
 $130 + 426 = \dots\dots\dots$ $83 + 504 = \dots\dots\dots$ $304 + 102 = \dots\dots\dots$
 $556 - 130 = \dots\dots\dots$ $587 - 83 = \dots\dots\dots$ $175 - 40 = \dots\dots\dots$
 $556 - 426 = \dots\dots\dots$ $587 - 504 = \dots\dots\dots$ $135 + 40 = \dots\dots\dots$

Bài 7. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

- $1\text{ m } 2\text{ dm} = \dots\text{ cm}$ $3\text{ m } 3\text{ cm} = \dots\text{ cm}$ $340\text{ cm} = \dots\text{ m } \dots\text{ dm}$
 $123\text{ cm} = \dots\text{ m } \dots\text{ dm } \dots\text{ cm}$ $309\text{ cm} = \dots\text{ dm } \dots\text{ cm}$ $450\text{ dm} = \dots\text{ m}$

Bài 8. Viết kết quả tính:

- | | | |
|---|--|--|
| a) $25\text{ m} + 8\text{ m} + 7\text{ m} = \dots\text{ m}$ | $254\text{ m} + 27\text{ m} - 6\text{ m} = \dots\text{ m}$ | $630\text{ m} - 26\text{ m} - 8\text{ m} = \dots\text{ m}$ |
| b) $910\text{ km} - 57\text{ km} = \dots\text{ km}$ | $27\text{ km} + 138\text{ km} = \dots\text{ km}$ | $1\text{ km} - 45\text{ m} = \dots\text{ m}$ |
| c) $35\text{ m} : 5 = \dots\text{ m}$ | $5\text{ km} \times 9 = \dots\text{ km}$ | $18\text{ km} : 2 = \dots\text{ km}$ |

Bài 9. Tính theo mẫu:

- | | |
|---|---|
| a) $5\text{ giờ} + 3\text{ giờ} = 8\text{ giờ}$ | b) $5\text{ giờ} \times 5 = \dots\dots$ |
| $12\text{ giờ} + 4\text{ giờ} = \dots\dots$ | $18\text{ giờ} : 2 = \dots\dots$ |

Bài 10. Cùng đi một quãng đường như nhau, anh Hòa đi hết 50 phút, anh Tùng đi hết 1 giờ, anh Bình đi hết 65 phút. Hỏi ai đi nhanh nhất?

Bài 11.

- a) Hà ngủ từ 9 giờ tối hôm trước đến 6 giờ sáng hôm sau. Hỏi Hà đã ngủ mấy giờ?
- b) Công nhân làm việc từ 10 giờ sáng đến 5 giờ chiều. Hỏi công nhân làm việc trong mấy giờ?
- c) Hằng ngày em học ở trường từ 7 giờ sáng đến 11 giờ trưa. Hỏi mỗi ngày em học mấy giờ?

Bài 12. Biết tháng 10 có 31 ngày, tháng 11 có 30 ngày. Hôm nay là thứ năm ngày 25 tháng 10. Như vậy:

- a) Thứ năm tuần trước là ngày
- b) Chủ nhật tuần sau là ngày

Bài 13. Tính:

- | | |
|---|---|
| a) $150\text{ kg} + 30\text{ kg} = \dots\text{ kg}$ | $200\text{ kg} - 45\text{ kg} = \dots\text{ kg}$ |
| b) $70\text{ kg} + 30\text{ kg} + 15\text{ kg} = \dots\text{ kg}$ | $1000\text{ kg} - 23\text{ kg} - 100\text{ kg} = \dots\text{ kg}$ |

Bài 14. Tính:

- | | | |
|---|--|--|
| a) $2\text{ kg} \times 6 = \dots\text{ kg}$ | $2\text{ kg} \times 9 = \dots\text{ kg}$ | $20\text{ kg} : 2 = \dots\text{ kg}$ |
| b) $45\text{ kg} : 5 = \dots\text{ kg}$ | $15\text{ kg} : 5 = \dots\text{ kg}$ | $5\text{ kg} \times 7 = \dots\text{ kg}$ |

Bài 15. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

- | | | |
|---|--|---|
| a) $207\text{ l} + 19\text{ l} = \dots\text{ l};$ | $132\text{ l} + 28\text{ l} + 80\text{ l} = \dots\text{ l};$ | $339\text{ l} + 31\text{ l} - 120\text{ l} = \dots\text{ l}.$ |
| b) $20\text{ l} : 2 = \dots\text{ l};$ | $40\text{ l} : 5 = \dots\text{ l};$ | $9\text{ l} \times 5 = \dots\text{ l}.$ |

Bài 16. Tính:

a) $100 \text{ đồng} + 400 \text{ đồng}$

$700 \text{ đồng} - 300 \text{ đồng}$

b) $500 \text{ đồng} + 200 \text{ đồng} + 300 \text{ đồng}$

$1000 \text{ đồng} - 300 \text{ đồng} - 100 \text{ đồng}$

Bài 17. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Khi mua một món đồ có giá 400 đồng, em đưa cho người bán hàng một tờ 1000 đồng. Người bán có thể trả lại tiền thừa cho em một trong các cách sau:

Cách 1: tờ 500 đồng và tờ 100 đồng.

Cách 2: tờ 200 đồng.

Cách 3: tờ 100 đồng.

Bài 18. Khi trả tiền mua rau, An đưa cho người bán rau 1000 đồng, người bán rau trả lại An 300 đồng. Hỏi An mua rau hết bao nhiêu tiền?

Bài 19. Cuộn dây điện màu xanh dài 145 m, cuộn dây điện màu vàng dài hơn cuộn dây điện màu xanh 17 m. Hỏi cuộn dây điện màu vàng dài bao nhiêu mét?

Bài 20. Gia đình nhà Mai đi từ nhà đến thành phố Hạ Long bằng ô tô. Đến điểm dừng nghỉ trên đường đi, Mai thấy cột cây số bên đường ghi “Hạ Long 47 km”, bố nói với Mai: “Nhà mình đã đi được 45 km rồi”. Hỏi quãng đường từ nhà Mai đến thành phố Hạ Long dài bao nhiêu ki-lô-mét?

Bài 21. Đường từ nhà bác Hùng ra thành phố phải qua thị xã. Quãng đường từ nhà bác Hùng đến thị xã dài 15 km, quãng đường từ thị xã đến thành phố ngắn hơn quãng đường từ nhà bác Hùng đến thị xã 9 km. Tính:

a) Chiều dài quãng đường từ thị xã đến thành phố.

b) Chiều dài quãng đường từ nhà bác Hùng đến thành phố.

Bài 22. Nhà Hoàng cách nhà Minh 280 m. Cùng một lúc hai bạn đi đến nhà nhau chơi. Hoàng đi được 135 m, Minh đi được nhiều hơn Hoàng 8 m. Hỏi:

a) Minh đi được bao nhiêu mét?

b) Khi đó hai bạn đã gặp nhau chưa?

Bài 23. Quãng đường Hà Nội – Hải Phòng dài 102km. Quãng đường Hà Nội – Lạng Sơn dài hơn quãng đường Hà Nội – Hải Phòng là 67km. Hỏi quãng đường Hà Nội – Lạng Sơn dài bao nhiêu ki-lô-mét?

Bài 24. Có một số ki-lô-gam gạo, nếu đem chia số gạo đó cho 6 người thì mỗi người được 5 kg gạo. Hỏi:

- a) Có tất cả bao nhiêu ki-lô-gam gạo?
- b) Nếu chia số gạo đó cho 5 người thì mỗi người được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Bài 25. Con bò cân nặng 205kg. Con trâu cân nặng hơn con bò 23kg. Hỏi con trâu cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Bài 26. Một cửa hàng buổi sáng bán được 350kg gạo. Buổi chiều cửa hàng bán được ít hơn buổi sáng là 120kg. Hỏi buổi chiều cửa hàng bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Bài 27. Thùng thứ nhất chứa 467 lít dầu, thùng thứ hai chứa nhiều hơn thùng thứ nhất 35 lít dầu. Hỏi thùng thứ hai chứa bao nhiêu lít dầu?

Bài 28. Có hai thùng dầu, thùng thứ nhất chứa 545 lít dầu và chứa nhiều hơn thùng thứ hai 133 lít dầu. Hỏi:

- a) Thùng thứ hai chứa bao nhiêu lít dầu?
- b) Cả hai thùng chứa bao nhiêu lít dầu?

Bài 29. Có hai can đựng dầu, can lớn đựng 105 lít dầu, nếu lấy ra từ can lớn 3 lít dầu thì số lít dầu của hai can bằng nhau. Hỏi:

- a) Can bé có bao nhiêu lít dầu?
- b) Lúc đầu cả hai can có bao nhiêu lít dầu?

Bài 30. Trại chăn nuôi có 485 con gà mái, số gà trống ít hơn số gà mái là 150 con. Hỏi trại chăn nuôi có bao nhiêu con gà trống?

Bài 31. Trại chăn nuôi có 375 con gà mái, số gà mái ít hơn số gà trống là 15 con. Hỏi trại chăn nuôi đó có bao nhiêu con gà?

Bài 32. Có 4 bóng xanh, 5 bóng đỏ, 6 bóng vàng. Kim không nhìn vào túi lấy ra 2 lần, mỗi lần 5 quả bóng.

Điền từ “Chắc chắn”, “Có thể”, “Không thể” vào chỗ chấm cho thích hợp:

- a) lấy được 1 quả bóng vàng.
- b) lấy được quả bóng đỏ.
- c) lấy được quả bóng mà trắng.
- d) lấy được quả bóng màu xanh.

Bài 33. Trong hộp có các tấm thẻ mang số 0; 1; 2; 3; 4; 5. Bạn Mai nhắm mắt lấy ra một tấm thẻ. Điền từ “Chắc chắn”, “Có thể”, “Không thể” vào chỗ chấm cho thích hợp:

- lấy được một tấm thẻ số 3.
- lấy được một tấm thẻ nhỏ hơn 6.
- lấy được một tấm thẻ số 8.

Bài 34. Trong một hộp có 5 viên bi xanh và 8 viên bi đỏ. An không nhìn vào hộp lấy ra 2 lần, mỗi lần 4 viên. Hỏi có nói chắc chắn rằng trong số bi lấy ra đó có ít nhất ba viên bi đỏ không?

Bài 35. Quan sát hình sau rồi viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp:



Nam dùng các mảnh ghép để ghép thành một bức tranh dưới đây:

a. Nam đã dùng số mảnh ghép mỗi loại là:

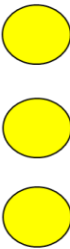
- Mảnh ghép hình tam giác: mảnh;
- Mảnh ghép hình tròn: mảnh;
- Mảnh ghép hình vuông: mảnh;
- Mảnh ghép hình chữ nhật: ... mảnh.

b. Nam đã dùng nhiều nhất là mảnh ghép hình

Nam đã dùng ít nhất mảnh ghép hình

Bài 36. Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp:

Biểu đồ sau biểu diễn số đồ chơi mà Mai vừa gấp được.

		
Máy bay giấy	Thuyền	Hạc giấy

a. Mai gấp được:

..... máy bay giấy;

..... thuyền giấy;

..... hạc giấy.

b. Mai đã gấp được tất cả ... đồ chơi.

Bài 37. Tìm số lớn nhất có 3 chữ số khác nhau, biết tích ba chữ số của nó có kết quả là 8.

Bài 38. Viết tất cả các số có ba chữ số khác nhau mà tích ba chữ số của nó bằng 6.

Bài 39. Viết tất cả các số có ba chữ số khác nhau mà tổng ba chữ số của nó bằng 6.

Bài 40. Dùng ba thẻ số **5**, **0**, **3** để ghép thành các số có ba chữ số. Tính:

a) Tổng của số lớn nhất và số bé được ghép bởi các số trên.

b) Hiệu của số lớn nhất và số bé nhất được ghép bởi các số trên.

Hình học.

Bài 41. Nối mỗi hình với tên gọi thích hợp:



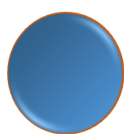
Đường gấp khúc

Đường thẳng

Đoạn thẳng

Đường cong

Bài 42. Nối mỗi hình với tên gọi thích hợp:



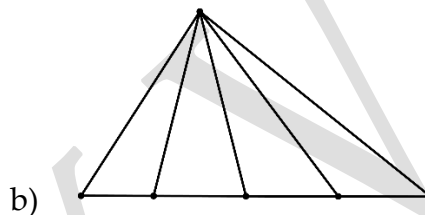
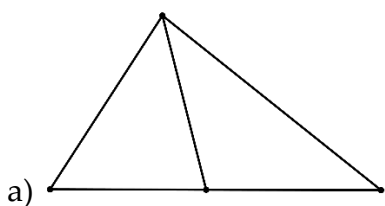
Khối cầu

Khối trụ

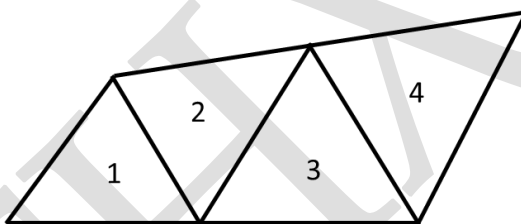
Khối hộp chữ nhật

Khối lập phương

Bài 43. Quan sát các hình vẽ bên cho biết: Có bao nhiêu hình tam giác?



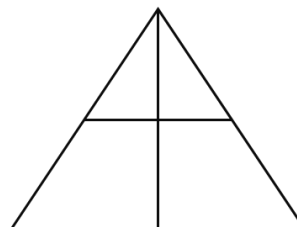
Bài 44. Quan sát hình vẽ dưới đây cho biết có bao nhiêu hình tứ giác?



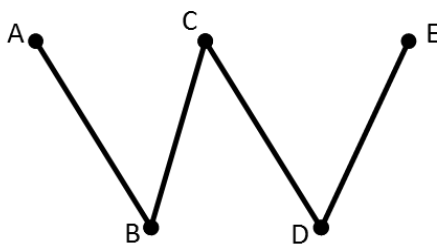
Bài 45. Quan sát hình vẽ dưới đây cho biết:

a) Có tất cả bao nhiêu hình tam giác có trong hình?

b) Có tất cả bao nhiêu hình tứ giác có trong hình?



Bài 46. Ghi tên các đường gấp khúc có trong hình vẽ sau:

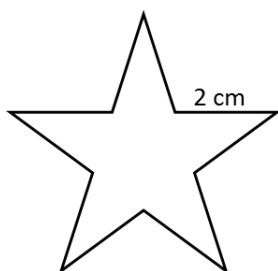


a) Đường gấp khúc gồm 4 đoạn thẳng.

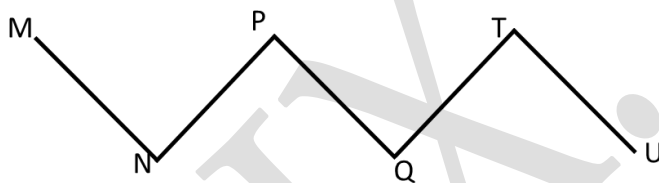
b) Các đường gấp khúc gồm ba đoạn thẳng.

c) Các đường gấp khúc gồm hai đoạn thẳng.

Bài 47. Một đoạn dây đồng được uốn thành hình ngôi sao như hình vẽ bên. Tính độ dài đoạn dây đồng đó?



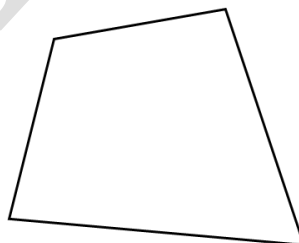
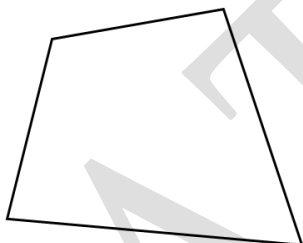
Bài 48. Độ dài đường gấp khúc MNPQTU dài 3 m, biết rằng đường gấp khúc này gồm 5 đoạn thẳng bằng nhau. Hỏi độ dài đoạn thẳng TU dài bao nhiêu đề-xi-mét?



Bài 49. Kẻ thêm 1 đoạn thẳng vào mỗi hình dưới đây để được:

a) Hai hình tam giác.

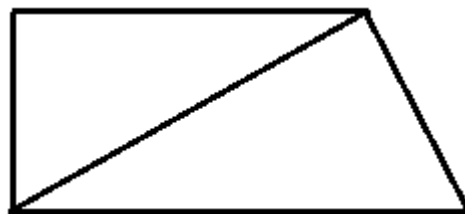
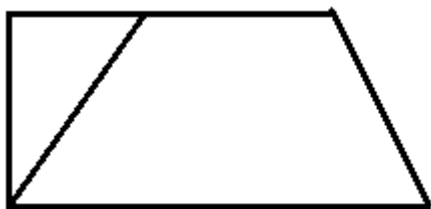
b) Ba hình tứ giác.



Bài 50. Kẻ thêm một đoạn thẳng nữa để hình sau có:

a) 3 hình tam giác và 3 hình tứ giác

b) 1 hình chữ nhật và 4 hình tam giác



Chúc các em học tập tốt